

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2022/HSST

Ngày: 01- 6 -2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Long và ông Hoàng Văn Ninh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2022/HSST ngày 11 tháng 5 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thanh H sinh năm: 1991

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Trú tại: Thôn V, xã A, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Phạm Thanh L (đã chết) và bà: Đào Thị L1, sinh năm: 1954.

Có vợ: Lê Thị H1, sinh năm 1997; Có 01 con sinh năm 2019.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20/01/2015, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị can đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/01/2016, đã nộp án phí hình sự và dân sự ngày 18/7/2017. Đối với nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại là anh Hà Quang T số tiền 3.064.000 đồng, bị can chưa bồi thường, tại phiên tòa bị hại có mặt nhưng không có đơn yêu cầu, đến nay đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

- Ngày 10/10/2014, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử khởi tố bị can về tội “Cố ý gây thương tích”, theo khoản 1 Điều 104 BLHS. Ngày 07/5/2015, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn đã đình chỉ vụ án nhưng chưa có Công văn đề nghị Công an huyện Triệu Sơn ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Phạm Thanh H.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2021 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa

2. Lê Sỹ T, sinh năm 1992

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Trú tại: Thôn 9, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lê Sỹ T1, sinh năm 1964 và bà: Lương Thị L2, sinh năm: 1960.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 15/01/2014, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 30 tháng tù, về tội “Bắt cóc nhằm chiếm đoạt tài sản”, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2016, đã nộp án phí ngày 25/4/2014.

- Ngày 28/5/2019, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính, hình thức phạt tiền về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt ngày 17/6/2019.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2021 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Quách Văn V –sinh năm 2003 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Y, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Anh Lê Văn Q – sinh năm 2000 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn 4, xã Th, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- Người làm chứng:

+ Anh Hoàng Văn H – sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Trú tại: Tân D, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 31/7/2021, Tổ công tác Công an huyện T đang làm nhiệm vụ tại khu vực thôn 1, xã T, huyện T thì phát hiện xe ô tô mang biển kiểm soát 29A-877.91 có biểu hiện nghi vấn, Lê Văn Q, sinh năm 2000, ở thôn 4, xã T, huyện T đang đưa tiền cho Phạm Thanh H. Tiến hành kiểm tra xe ô tô trên thì phát hiện trên xe có 04 người gồm: Hoàng Văn H1, sinh năm 1977, ở thôn T, thị trấn T, huyện T là người lái xe; ngồi ghế phụ phía trước là Phạm Thanh H, sinh năm 1991, ở thôn V, xã A, huyện T; ngồi ghế sau ghế lái là Lê Sỹ T, sinh năm 1992, ở thôn 9, xã C, huyện N; ngồi ghế sau bên phụ là Quách Văn V, sinh năm 2003, ở thôn Y, xã H, huyện T. Quá trình kiểm tra phát hiện và thu giữ các tang vật gồm: Số tiền 1.200.000 đồng của Phạm Thanh H do Quang vừa đưa; tiến hành kiểm tra bên trong xe ô tô phát hiện tại vị trí dưới sàn xe phía sau ghế lái 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể nghi là ma túy đá, vật chứng được thu giữ và niêm phong trong phong bì ký hiệu M1.

Sau đó, tổ công tác yêu cầu những người trong xe ra ngoài để kiểm tra, sau khi các đối tượng ra khỏi xe, Tổ công tác phát hiện, tại vị trí cách nơi Phạm Thanh H đứng khoảng 02m, bên cạnh cửa xe ô tô bên ghế phụ phía trước 01 hộp nhựa màu vàng cam, có nắp màu đỏ, bên trong có 01 túi nilon màu trắng, chứa chất rắn màu trắng dạng tinh thể nghi là ma túy đá, 01 túi nilon màu trắng chứa 10 viên nén màu hồng hình tròn nghi là ma túy đá loại hồng phiến, vật chứng được thu giữ và niêm phong trong phong bì ký hiệu M2. Ngoài ra, còn thu giữ 01 xe ô tô biển kiểm soát 29A-877.91 và 03 điện thoại di động các loại của Phạm Thanh H, Lê Văn Q và Quách Văn V và đồng thời đưa các đối tượng trên về Công an huyện T để đấu tranh làm rõ.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thanh H, ở thôn V, xã A, huyện T thu giữ: 01 túi nilon màu trắng, bên trong có 02 viên nén màu đỏ hồng nghi là ma túy, được thu giữ ở ngăn ngoài túi da màu đen của Đỗ Thị Q (bạn gái H) để trong tủ để đồ phòng ngủ của Phạm Thanh H, vật chứng được thu giữ và niêm phong trong phong bì ký hiệu N1; 01 túi nilon màu trắng có mép dính màu xanh, bên trong chứa chất bám dính màu đỏ hồng nghi là ma túy, thu giữ trong túi vải màu xám có khóa màu đen, để trong tủ đựng đồ phòng ngủ của Phạm Thanh H, vật chứng được thu giữ và niêm phong trong phong bì ký hiệu N2; 01 viên dạng nén màu đỏ hồng được thu giữ trong ngăn ngoài túi vải màu xám, khóa màu đen, để trong tủ đựng đồ phòng ngủ của Phạm Thanh H, vật chứng được thu giữ và niêm phong trong phong bì ký hiệu N3.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận:

Khoảng 15 giờ ngày 31/7/2021, Phạm Thanh H dùng tài khoản Face book “*Thanh H*” nhắn tin vào tài khoản “*Lê T*” của Lê Sỹ T với nội dung “*xuống đi có đồ ngon*”, T đồng ý và cùng Quách Văn V và Nguyễn Văn T đến nhà Phạm Thanh H. Trong lúc đợi Trình xuống, Phạm Thanh H nhận được cuộc điện thoại của Nguyễn Văn Q, gọi điện hỏi mua hộp 10 ma túy đá và 10 viên hồng phiến. Lúc đầu H từ chối, sau đó H đồng ý và gọi lại cho Q để nhận lời và báo giá số ma túy trên tổng tiền là 6.5000.000đ (gồm hộp 10 ma túy đá là 5.500.000đ, 10 viên hồng phiến giá 1.000.000đ) và hẹn sẽ mang lên cho Q nhưng Q phải trả thêm 200.000 đồng tiền xe taxi, Q đồng ý. Sau đó, H đi đến huyện Đ, gặp một người tên H1 (không rõ lai lịch) mua 2.500.000 đồng ma túy và mang về nhà cất 02 viên hồng phiến vào túi xách của bạn gái và 01 viên vào túi quần áo. Số ma túy còn lại gồm ma túy đá và 10 viên hồng phiến, H bỏ vào hộp nhựa màu cam, nắp đỏ (dạng hộp C sủi) rồi bỏ vào túi quần bên phải. Khi Lê Sỹ T, Quách Văn V và Nguyễn Văn T đến nhà H. Theo lời khai và biên bản đối chất Lê Sỹ T và Quách Văn V đều khẳng định H lấy từ trong túi quần 01 túi nilon màu trắng, bên trong là ma túy đá đưa cho T và nói “*bạn cầm lấy về mà chơi, bây giờ tôi đi có việc*” T cầm gói ma túy ở tay. Sau đó H gọi điện cho anh Hoàng Văn H2 là lái xe taxi đến chở H đi lên xã T để bán ma túy cho Q, T và V đi nhờ xe của H về Thọ B, T đi xe máy về trước. Phạm Thanh H đi đến khu vực thôn 1, xã T theo chỉ đường của Q thì dừng lại, Q đi xe máy đến lấy ma túy. Khi H đang hạ cửa kính xuống lấy 1.200.000 đồng của Q và chuẩn bị đưa ma túy cho Q thì bị Công

an huyện T kiểm tra, phát hiện bắt quả tang. Khi thấy Công an đến, Lê Sỹ T vứt gói ma túy đang cầm trên tay xuống sàn xe, ngay dưới chân vị trí T ngồi, Phạm Thanh H sau khi được yêu cầu ra khỏi xe đã vứt hộp nhựa chứa ma túy xuống đất, cách vị trí H đứng khoảng 02m.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo H thừa nhận hành vi bán trái phép chất ma túy cho Q, không thừa nhận hành vi cho T ma túy về sử dụng. Bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy” của mình và khẳng định số ma túy T có được là do T được H cho tại nhà H có sự chứng kiến của Quách Văn V.

Tại Kết luận giám định số 2487/PC09 ngày 05/8/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất rắn màu trắng dạng tinh thể của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,387g, loại Methamphetamine;
- Chất rắn màu trắng dạng tinh thể của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 6,366g, loại Methamphetamine;
- 10 viên nén màu hồng hình tròn của phong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 1,013g, loại Methamphetamine;
- 02 viên nén màu đỏ hồng của phong bì niêm phong ký hiệu N1 gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,194g, loại Methamphetamine;
- Chất bám dính màu đỏ hồng của phong bì niêm phong ký hiệu N2 gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine không xác định được khối lượng;
- 01 viên nén màu đỏ hồng của phong bì niêm phong ký hiệu N3 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,072g, loại Methamphetamine.

Bản cáo trạng số 32/CT- VKS- TS, ngày 09 tháng 5 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, truy tố các bị cáo phạm tội như sau:

- Phạm Thanh H đã phạm vào các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.
- Lê Sỹ T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Phạm Thanh H vẫn giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận việc phạm tội của mình về hành vi bán trái phép chất ma túy cho Q như bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng, bị cáo trình bày bị cáo không hiểu lý do tại sao Q lại chỉ đưa cho bị cáo số tiền 1.200.000đ, do chưa có sự trao đổi và thỏa thuận lại giữa H và Q thì bị Công an bắt, nên H khẳng định nếu biết Q chỉ đưa 1.200.000đ thì H sẽ không bán ma túy cho Q, vì không đúng như nội dung đã thỏa thuận. Bị cáo không thừa nhận hành vi của bị cáo về việc cho T ma túy về

sử dụng và khẳng định việc dùng tài khoản Face book “*Thanh H*” nhắn tin vào tài khoản “*Lê T*” của Lê Sỹ T với nội dung “*xuống đi có đồ ngon*” là đồ ăn nhậu ngon chứ không phải là ma túy . Bị cáo cho rằng bản cáo trạng và bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn truy tố bị cáo là đồng phạm với T về hành vi “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” là không đúng, bị cáo tranh luận với Kiểm sát viên về hành vi trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo để xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật.

Bị cáo Lê Sỹ T thừa nhận việc phạm tội và khẳng định bản cáo trạng truy tố đúng với hành vi phạm tội của mình, bị cáo trình bày thêm về nguồn gốc số ma túy có được là do bị cáo nhận được tin nhắn từ H qua tài khoản Face book “*Thanh H*” nhắn tin vào tài khoản của bị cáo là “*Lê T*” với nội dung “*xuống đi có đồ ngon*” nghĩa của “*đồ ngon*” là ma túy. Sau đó Trình rủ Quách Văn V và Nguyễn Văn T đến nhà H, H lấy từ trong túi quần 01 túi nilon màu trắng, bên trong là ma túy đá đưa cho T và nói “*bạn cầm lấy về mà chơi, bây giờ tôi đi có việc*”, việc H cho Trình ma túy có sự chứng kiến của V.

Tại phiên tòa anh V vắng mặt. Quá trình điều tra anh Quách Văn V trình bày: Anh được T rủ đến nhà H chơi, không biết mục đích xuống nhà H làm gì. Tại nhà H, anh V chứng kiến thấy H lấy từ túi quần ra 01 túi ma túy đá và nói “*bạn cầm lấy về chơi*”, anh V bị Công an thu giữ 01 điện thoại di động iphone 8 plus đã cũ.

Tại phiên tòa anh Q vắng mặt. Quá trình điều tra anh Q trình bày: Khoảng 17 giờ ngày 31/7/2021 do ham vui nên Q có gọi điện cho H để hỏi mua hộp 10 ma túy đá và 10 viên hồng phiến về để sử dụng, vì sợ nói mua ít thì H sẽ không bán và không mang ma túy lên xã T cho Q, nên Q nói số lượng nhiều hơn số lượng mà Q muốn mua, mặt khác nếu hỏi số lượng nhiều thì H sẽ bán rẻ hơn. Thực tế Q chỉ có số tiền 1.200.000đ để mua ma túy, nên ý thức của Q cũng không xác định được H sẽ bán cho được bao nhiêu ma túy. Mục đích của Q khi gặp H sẽ nói về số tiền thực tế muốn mua, nếu H đồng ý bán với số tiền 1.200.000đ thì Q mua, không thì Q không mua nữa. Khi Q vừa đưa số tiền 1.200.000đ cho H, hai bên chưa kịp thỏa thuận gì, Q chưa kịp nhận ma túy thì bị Công an bắt quả tang. Q bị thu giữ 01 điện thoại Vtét A2 màu đen đã cũ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- **Tuyên bố:** Bị cáo Phạm Thanh H đã phạm vào các tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự;

Lê Sỹ T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

- **Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều luật và xử phạt các bị cáo như sau:**

Đối với Phạm Thanh H:

Áp dụng: Điểm i, khoản 2 Điều 251; Điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo 8 năm đến 8 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xử phạt bị cáo Phạm Thanh H từ 12 đến 15 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung đối với Phạm Thanh H 9 năm đến 9 năm 9 tháng, thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2021.

Đối với Lê Sỹ T:

Áp dụng: Điểm c, khoản 1 Điều 249; Điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/7/2021.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo;

Về vật chứng đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS, khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Đề nghị tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.200.000 đồng và 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 7 màu đen đã cũ của Phạm Thanh H; Trả lại 01 điện thoại iphone 8 plus đã cũ của Quách Văn V; 01 điện thoại Vtett A2 màu đen đã cũ của Lê Văn Q. Tất cả các vật chứng trên đang được quy trữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí đề nghị: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:

Mặc dù trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Phạm Thanh H không thừa nhận hành vi của mình về việc cho bị cáo T 0,387g ma túy. Nhưng trên cơ sở lời khai của T, V, biên bản đối chất giữa H với T và V; nội dung tin nhắn giữa T và H đủ cơ sở xác định hành vi H cho T ma túy như bản cáo trạng đã nêu trên.

Hành vi phạm tội của các bị cáo được xác định bởi: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ được, lời khai của bị cáo cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nên đủ cơ sở để kết luận:

Chiều ngày 31/7/2021, tại thôn 1, xã T, huyện T, Phạm Thanh H đã có hành vi mua sau đó có mục đích bán lại 7,379g ma túy loại Methamphetamine (trong đó 6,366g dạng tinh thể và 1,013g – 10 viên dạng hồng phiến) cho Lê Văn Q với giá 6.500.000 đồng và 200.000đ tiền H yêu cầu Q phải trả tiền taxxi. Bị cáo H mới nhận từ Q số tiền 1.200.000đ, chưa kịp thỏa thuận và chưa kịp giao ma túy cho Q thì bị bắt quả tang. Số ma túy khi bị khám xét và thu giữ 0,266g Methamphetamine dạng viên hồng phiến, Phạm Thanh H cất giấu tại nhà để sử dụng và bán kiếm lời. Nhưng không phân biệt được lượng ma túy nào để bán, lượng ma túy nào để sử dụng, nên lượng ma túy trên thu hút vào hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” của H.

Ngoài ra, cùng ngày 31/7/2021 Phạm Thanh H còn cho Lê Sỹ T 0,387g ma túy, loại Methamphetamine để T tàng trữ sử dụng. Khi T đang tàng trữ số ma túy này thì bị Tổ công tác Công an huyện T phát hiện thu giữ. Do đó, Lê Sỹ T và Phạm Thanh H là đồng phạm tội Tàng trữ trái phép 0,387g ma túy, loại Methamphetamine.

Như vậy hành vi của bị cáo Phạm Thanh H đủ yếu tố cấu thành các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Lê Sỹ T đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án: Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; Xâm phạm trật tự quản lý hành chính của cơ quan quản lý Nhà nước về chất gây nghiện, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội. Hành vi của các bị cáo không những làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, là hiểm họa lớn cho xã hội, làm hủy hoại giá trị đạo đức, là nguyên nhân gây ra các tệ nạn xã hội khác. Vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa hôm nay và tại cơ quan điều tra đối với hành vi “mua bán trái phép chất ma túy” H thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Nhưng đối với hành vi “tàng trữ trái phép chất ma túy” bị cáo H khai báo thiếu thành khẩn, quanh co gây khó khăn cho quá trình điều tra nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo cho Phạm Thanh H. Bị cáo là ông Phạm Thanh L khi còn sống đã được Nhà nước tặng huân chương kháng chiến vẻ vang số 1834/TH ngày 5/6/1993, nên bị cáo được

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Sỹ T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân xấu.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo:

Đối với hành vi “ mua bán trái phép chất ma túy” Phạm Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò độc lập.

Trong vụ án này có tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy” bị cáo H và T là đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ, mỗi bị cáo có mức độ hành vi phạm tội khác nhau, do đó cần phải đánh giá vai trò, mức độ phạm tội đối với từng bị cáo để có biện pháp xử lý, đảm bảo tính nghiêm minh cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo T là người trực tiếp tàng trữ để sử dụng 0,387g ma túy loại Methamphetamine, nhưng nguồn gốc số ma túy trên của Trình là do Phạm Thanh H cho T tàng trữ sử dụng. Vì vậy T có vai trò chính và cao hơn H.

[5] Về trách nhiệm hình sự: Sau khi xem xét đánh giá tính chất, vai trò, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ răn đe, rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không có việc làm ổn định, không có tài sản gì. Vì vậy không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa H khai mua ma túy của anh H2 ở huyện Đ, tuy nhiên H không biết họ tên đầy đủ, địa chỉ cụ thể và đặc điểm nhận dạng của người này nên cơ quan điều tra không đủ căn cứ để xử lý theo quy định của pháp luật là đúng quy định.

Trong vụ án này Lê Văn Q hỏi mua ma túy của Phạm Thanh H, tuy nhiên mục đích, ý thức của Q muốn mua ma túy của H với số tiền là 1.200.000đ, Q không có tiền để mua ma túy với số tiền 6.500.000đ như H đã nhận lời bán. Bản thân Q không biết H có bán cho Q số ma túy ít hơn số ma túy Q điện thoại để hỏi mua hay không. Nếu H bán với số tiền Q đang có thì Q sẽ mua, nếu không bán thì Q không mua nữa, khi Q đưa tiền cho H hai bên chưa kịp trao đổi và thỏa thuận gì, Q chưa kịp nhận ma túy thì đã bị Công an bắt, nên cơ quan Điều tra không đủ cơ sở để xử lý Q là đúng quy định của pháp luật.

Đối với Quách Văn V, Hoàng Văn H chỉ là người đi cùng, không biết việc Hùng bán đi bán ma túy, không được hưởng lợi gì về việc H và T tàng trữ ma túy nên không đủ căn cứ để xử lý là đúng quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng: Tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định ;

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.200.000đ và 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 7 màu đen đã cũ của Phạm Thanh H;

Trả lại 01 điện thoại iphone 8 plus đã cũ của Quách Văn V; 01 điện thoại Vtett A2 màu đen đã cũ của Lê Văn Q. (Tất cả các vật chứng trên đang được quy trữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa).

- Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Honda Civic màu đen BKS 29A- 877.91 đã qua sử dụng của anh Hoàng Văn H. Quá trình điều tra xác định anh H không liên quan đến việc phạm tội của các bị cáo, nên cơ quan điều tra Công an huyện Triệu Sơn đã trả lại cho anh H là phù hợp.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- *Đối với Phạm Thanh H:*

Áp dụng: điểm i, khoản 2 Điều 251; Điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với tội “ tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt chung đối với Phạm Thanh H.

- *Đối với Lê Sỹ T:*

Áp dụng: Điểm c, khoản 1 Điều 249; Điểm s, khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố:

- Phạm Thanh H phạm vào các các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Lê Sỹ T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

1. Phạm Thanh H:

- 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy”.

- 13 (mười ba) tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Tổng hợp hình phạt của 02 tội trên, bị cáo phải chịu hình phạt chung tổng hình phạt là 09 (chín) năm 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày 31/7/2021.

2. Lê Sỹ T: 14 (mười bốn) tháng tù về tội “ Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù kể từ ngày 31/7/2021.

Phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 47 BLHS; Khoản 1; 2 Điều 106 BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy là các mẫu vật còn lại sau giám định (Tất cả được đựng trong phong bì niêm phong mẫu vật do phòng kỹ thuật Công an Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong);

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.200.000đ của Phạm Thanh H và 01 điện thoại nhãn hiệu iphone 7 màu đen đã cũ của Phạm Thanh H;

Trả lại 01 điện thoại iphone 8 plus đã cũ của Quách Văn V; 01 điện thoại Vtet A2 màu đen đã cũ của Lê Văn Q.

Tất cả các vật chứng trên đang được quy trữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, tỉnh Thanh Hóa theo biên bản bàn giao tang vật ngày 27 tháng 5 năm 2022. Riêng số tiền 1.200.000đ hiện đã được chuyển về số tài khoản 3949.0.9062237 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135;136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21; Điều 23 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH 14 ngày 30/6/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Thanh H và Lê Sỹ T mỗi bị cáo bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333; 336; 337 BLTTHS
Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Quách Văn V và anh Lê Văn Q có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- THA huyện Triệu Sơn
- Các bị cáo;
- Người có QLNV liên quan
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Ninh Nguyễn Bá Long

Lê Thị Thủy

